



GIỚI THIỆU VIETINBANK

Quý IV/2017

Nội dung chính

1. Thông tin chung về VietinBank
2. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng
3. Điểm nhấn nhà đầu tư
4. Chiến lược kinh doanh
5. Kết quả hoạt động
6. Phụ lục

1. Thông tin chung

- ❖ **Tổng quan về VietinBank**
- ❖ **Cơ cấu hoạt động**
- ❖ **Cơ cấu quản trị**

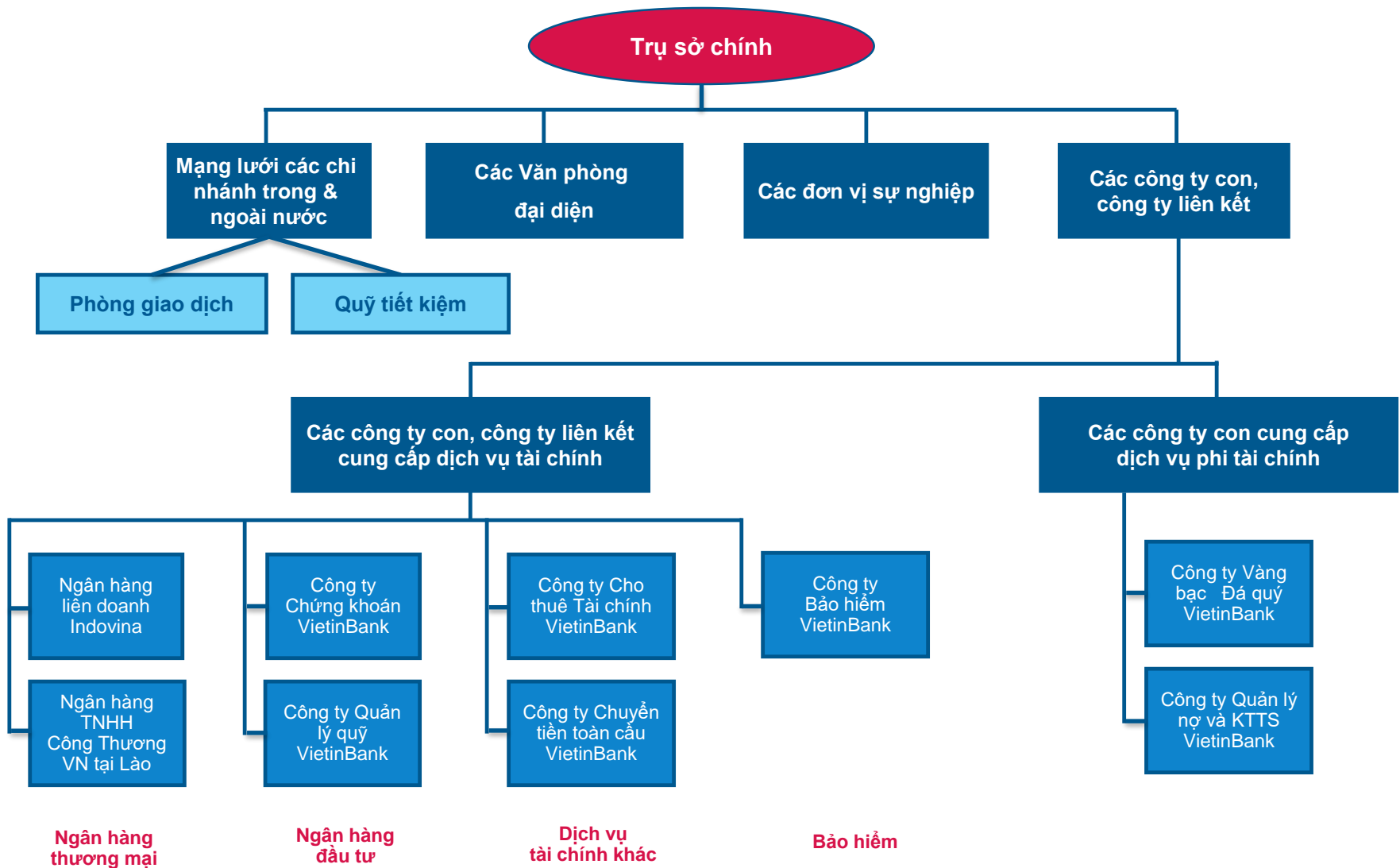
Tổng quan về VietinBank



Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) là Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng hàng đầu, giữ vai trò trụ cột trong hệ thống Tài chính - Ngân hàng Việt Nam.

- **1988** Thành lập sau khi tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- **2008** Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (1 năm sau đó).
- **2009** Chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (viết tắt là VietinBank).
- **2011** IFC chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VietinBank, sở hữu 10% vốn điều lệ của VietinBank.
- **2012** Ngân hàng Việt Nam đầu tiên phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu quốc tế và niêm yết trên Sở giao dịch Singapore (Đã đáo hạn ngày 17/5/2017)
Ký hợp đồng bán 19,73% vốn điều lệ cho đối tác chiến lược nước ngoài thứ hai là BTMU.

Cơ cấu hoạt động vững mạnh



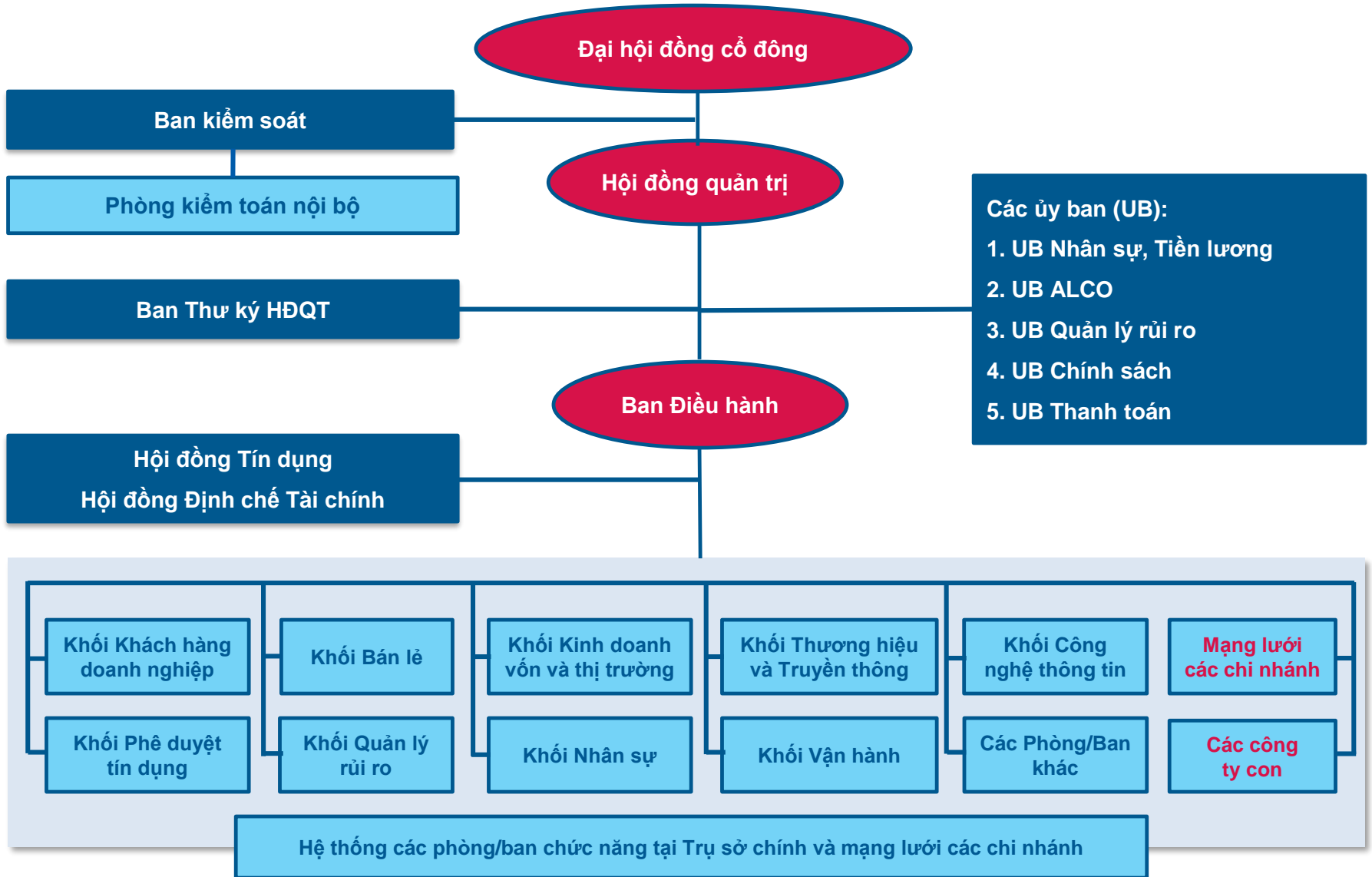
Ngân hàng thương mại

Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ tài chính khác

Bảo hiểm

Cơ cấu quản trị hợp lý



2. Tổng quan kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

- ❖ Tổng sản phẩm quốc nội - GDP
- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng - CPI
- ❖ Chỉ số quản lý sức mua - PMI
- ❖ Xuất nhập khẩu
- ❖ Đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI
- ❖ Ngành ngân hàng Việt Nam

Tổng sản phẩm quốc nội - GDP

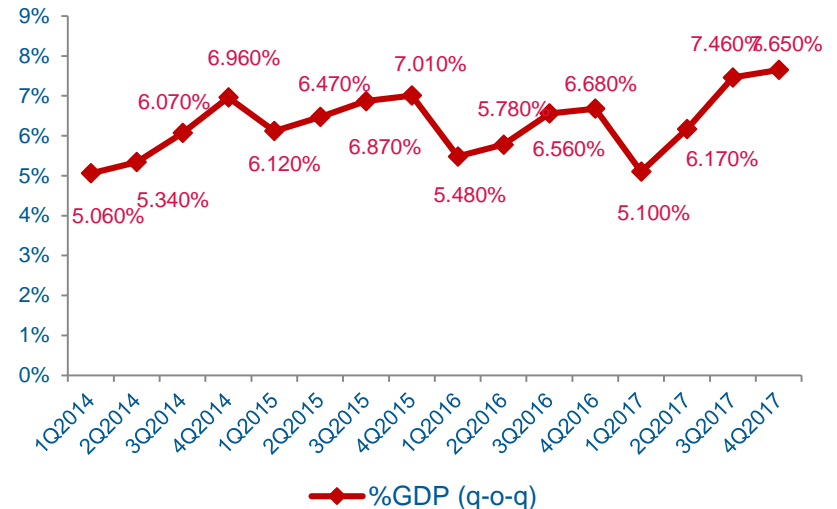
Tăng trưởng GDP năm 2017 vượt kế hoạch 6,7% và cao nhất trong 6 năm

- ❖ Tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%, thấp hơn mức mục tiêu 6,7%.
- ❖ Tăng trưởng GDP năm 2017 ước tính đạt 6,81%, trong đó Quý I tăng 5,15%; Quý II tăng 6,28%; Quý III tăng 7,46%; Quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành và chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.
- ❖ Theo Nghị quyết số 01/NĐ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Chính phủ tiếp tục đặt kế hoạch mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 6,7%.

Tăng trưởng GDP 2008 – 2017 (nghìn tỷ đồng)



Tăng trưởng GDP theo quý (2014 – 2017)



Chỉ số giá tiêu dùng - CPI

CPI năm 2017 thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra

CPI tháng 12/2017 tăng 0,21% so với tháng trước.

CPI tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%.

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra.

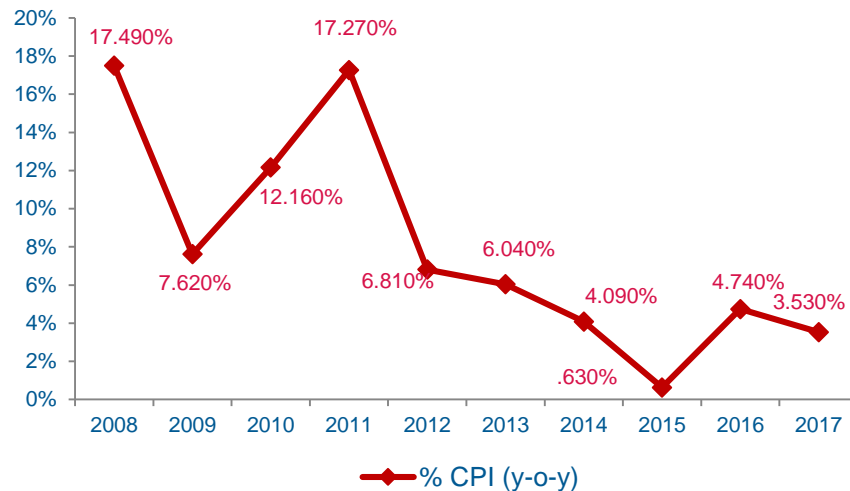
Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016.



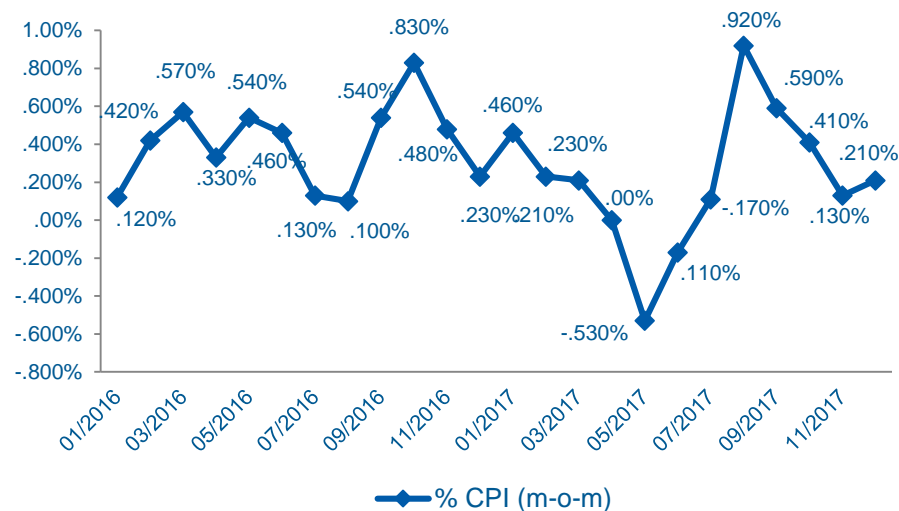
Các yếu tố tác động:

- Điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh;
- Thực hiện lộ trình tăng học phí;
- Việc tăng lương tối thiểu vùng;
- Một số yếu tố về thị trường, nhu cầu du lịch tăng, ảnh hưởng thiên tai, thời tiết bất lợi.
- Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm (chủ yếu ở thịt tươi sống);
- Tích cực triển khai các biện pháp bình ổn giá cả thị trường trong dịp Tết Nguyên Đán.

Tăng trưởng CPI 2008 - 2017



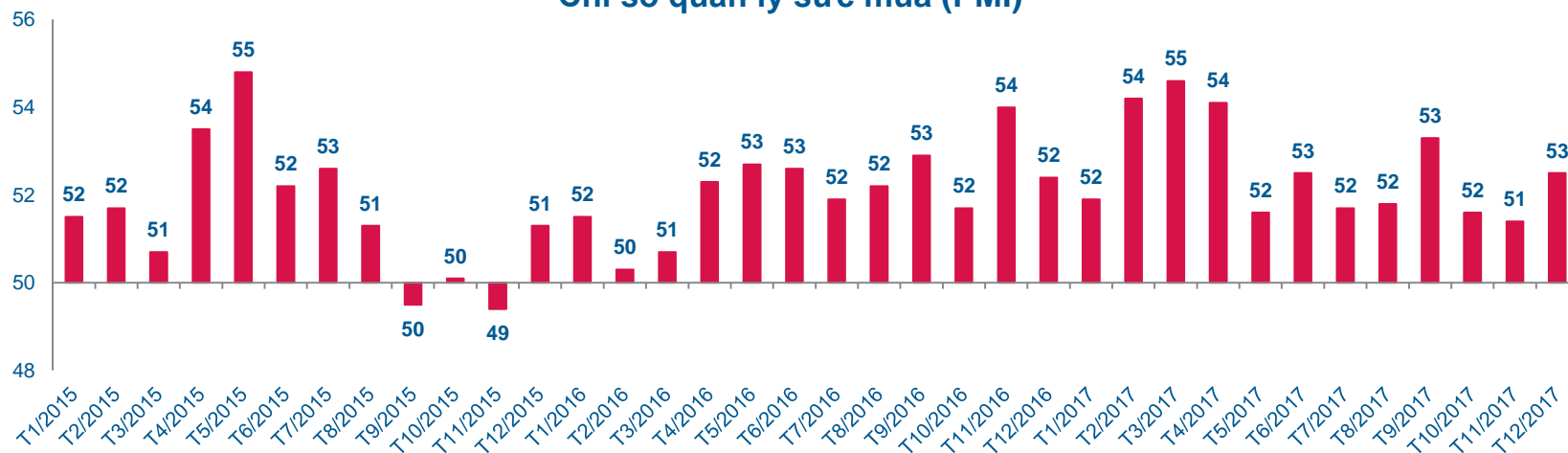
Tăng trưởng CPI theo tháng (2016-2017)



PMI tháng 12 bật tăng trở lại, đạt mức cao nhất 3 tháng cuối năm 2017

- ❖ Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam trong tháng 12 đạt 52,5 điểm, tăng so với mức 51,4 điểm của tháng 11 và đạt mức tăng cao nhất 3 tháng cuối năm 2017, cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ sức khỏe của lĩnh vực sản xuất vào cuối năm 2017.
- ❖ Sản lượng đã tăng trưởng trở lại do nhu cầu thị trường mạnh lên và số lượng đơn đặt hàng mới nhiều hơn. Mức độ lạc quan trong kinh doanh trong tháng 12 đã được cải thiện thành mức cao của 9 tháng. Lượng công việc tồn đọng đã giảm tháng thứ 2 liên tiếp, mặc dù chỉ là giảm nhẹ và với tốc độ chậm hơn so với tháng 11. Tốc độ tạo việc làm tăng mạnh nhất kể từ tháng 9.
- ❖ Về tổng thể, 2017 là năm có kết quả tích cực của lĩnh vực sản xuất với kết quả PMI trung bình cao nhất kể từ khi khảo sát bắt đầu vào năm 2011.

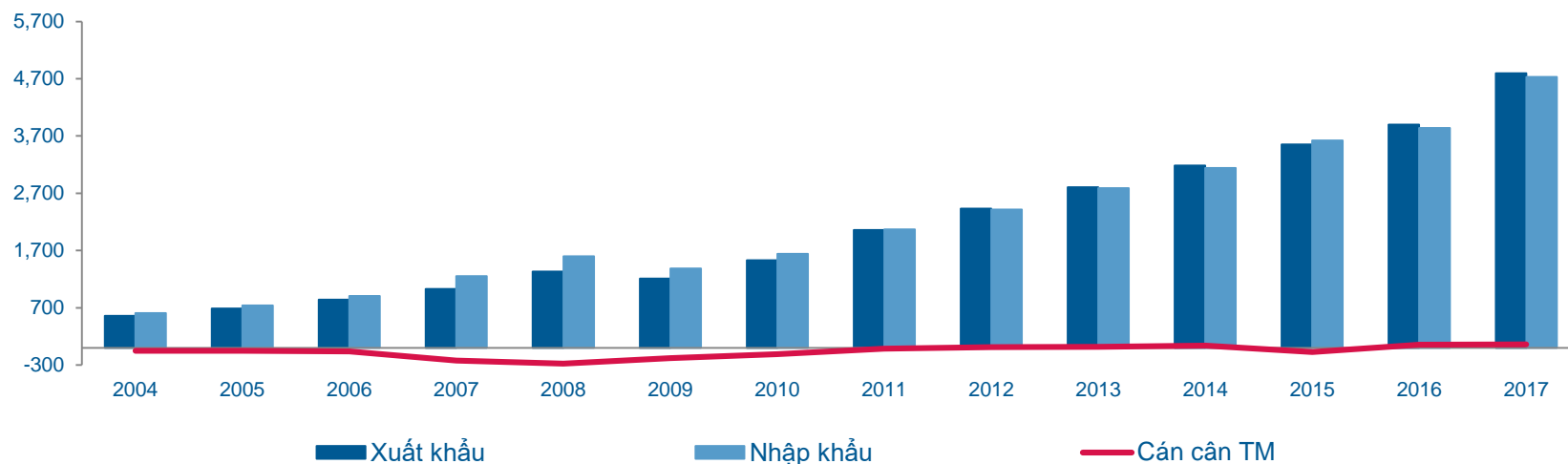
Chỉ số quản lý sức mua (PMI)



Cán cân thương mại thặng dư trong năm 2017

- ❖ Kim ngạch xuất khẩu: 213,77 tỷ USD (tăng 21,1% so với năm 2016)
 - Khu vực trong nước: 58,53 tỷ USD (tăng 16,2%);
 - Khu vực FDI: 155,24 tỷ USD (tăng 23%).
- ❖ Kim ngạch nhập khẩu: 211,1 tỷ USD (tăng 20,8% so với năm 2016)
 - Khu vực trong nước: 84,7 tỷ USD (tăng 17%);
 - Khu vực FDI: 126,4 tỷ USD (tăng 23,4%).
- ❖ Cán cân thương mại: Xuất siêu 2,7 tỷ USD
 - Khu vực trong nước: Nhập siêu 26,1 tỷ USD;
 - Khu vực FDI: Xuất siêu 28,8 tỷ USD.

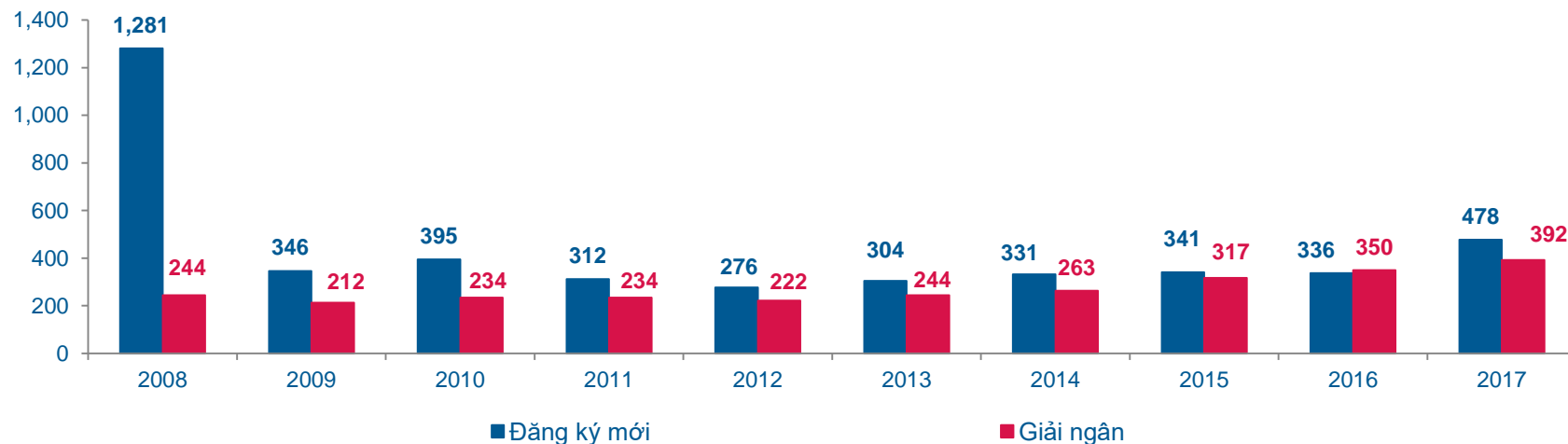
Xuất nhập khẩu (nghìn tỷ đồng)



FDI năm 2017 tăng mạnh

- ❖ Tính đến 20/12/2017, FDI thu hút 2.591 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 21,3 tỷ USD, tăng 3,5% về số dự án và tăng 42,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016.
- ❖ Có 1.188 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 8,4 tỷ USD, tăng 49,2% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2017 lên 29,7 tỷ USD, tăng 44,2% so với năm 2016.
- ❖ Có 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 6,2 tỷ USD, tăng 45,1% so với năm 2016.
- ❖ Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2017 ước tính đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm 2016.

FDI đăng ký mới và giải ngân (nghìn tỷ đồng)



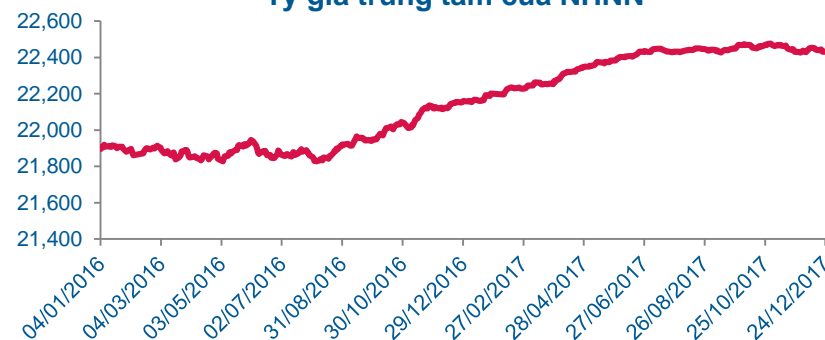
Thị trường ngoại hối ổn định

- ❖ Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, hệ thống các TCTD mua ròng ngoại tệ từ tổ chức, cá nhân với khối lượng lớn, từ đó có điều kiện bán lại cho NHNN để bổ sung Dự trữ ngoại hối Nhà nước.
- ❖ Tính đến 29/12/2017, tỷ giá trung tâm của NHNN được điều chỉnh tăng 266 điểm so với cuối năm 2016.
- ❖ Dự trữ ngoại hối tính đến hết năm 2017 đạt mức kỷ lục 53 tỷ USD.

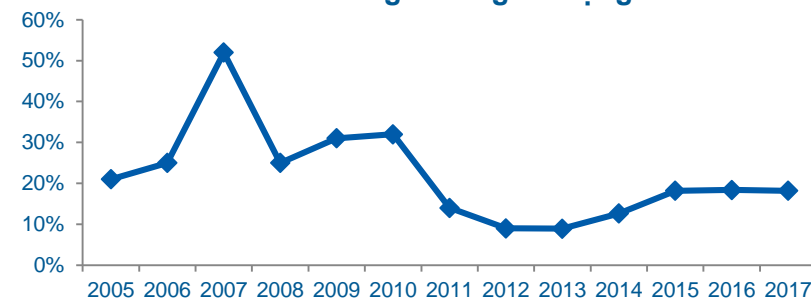
Thanh khoản (tính đến 31/12/2017)

- ❖ Tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16% so với cuối năm 2016.
- ❖ Tín dụng tăng 18,17% so với cuối năm 2016.
- ❖ Huy động vốn của các TCTD tăng 14,5% so với cuối 2016 (tính đến 20/12/2017).
- ❖ Mặc dù có sự chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động vốn nhưng thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn ở mức ổn định.

Tỷ giá trung tâm của NHNN



Tăng trưởng tín dụng



Tăng trưởng huy động



3. Điểm nhấn đầu tư

- ❖ Thị phần
- ❖ Vốn điều lệ, tổng nguồn vốn và tổng tài sản
- ❖ Mạng lưới hoạt động
- ❖ Thương hiệu và cơ sở khách hàng
- ❖ Hỗ trợ của cổ đông lớn
- ❖ Quản trị doanh nghiệp và nhân sự

Thị phần lớn:

- Dư nợ (12,21%)
- Huy động vốn (10,95%)
- NH đầu tư (16,5%)
- Chuyển tiền (15%)
- TTQT & TTTM (13,07%)
- Dịch vụ thanh toán thẻ (22%)

Kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2017

Ban Lãnh đạo giàu kinh nghiệm và nguồn nhân lực có chất lượng

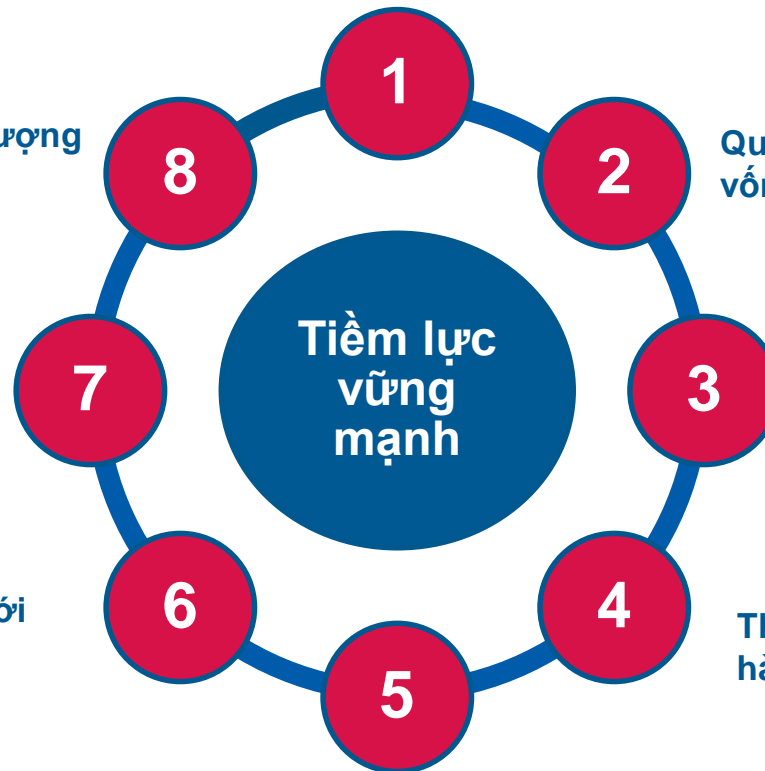
Cơ cấu tổ chức bền vững với công nghệ hiện đại

Cơ cấu cổ đông đa dạng và Hỗ trợ từ các cổ đông lớn (BTMU, IFC)

Quy mô vượt trội (tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ)

Mạng lưới rộng lớn trong và ngoài nước

Thương hiệu mạnh với khách hàng đa dạng



Quy mô vượt trội

Khối NHTM Nhà nước



Tổng tài sản
(nghìn tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu
(nghìn tỷ đồng)

Vốn điều lệ
(nghìn tỷ đồng)

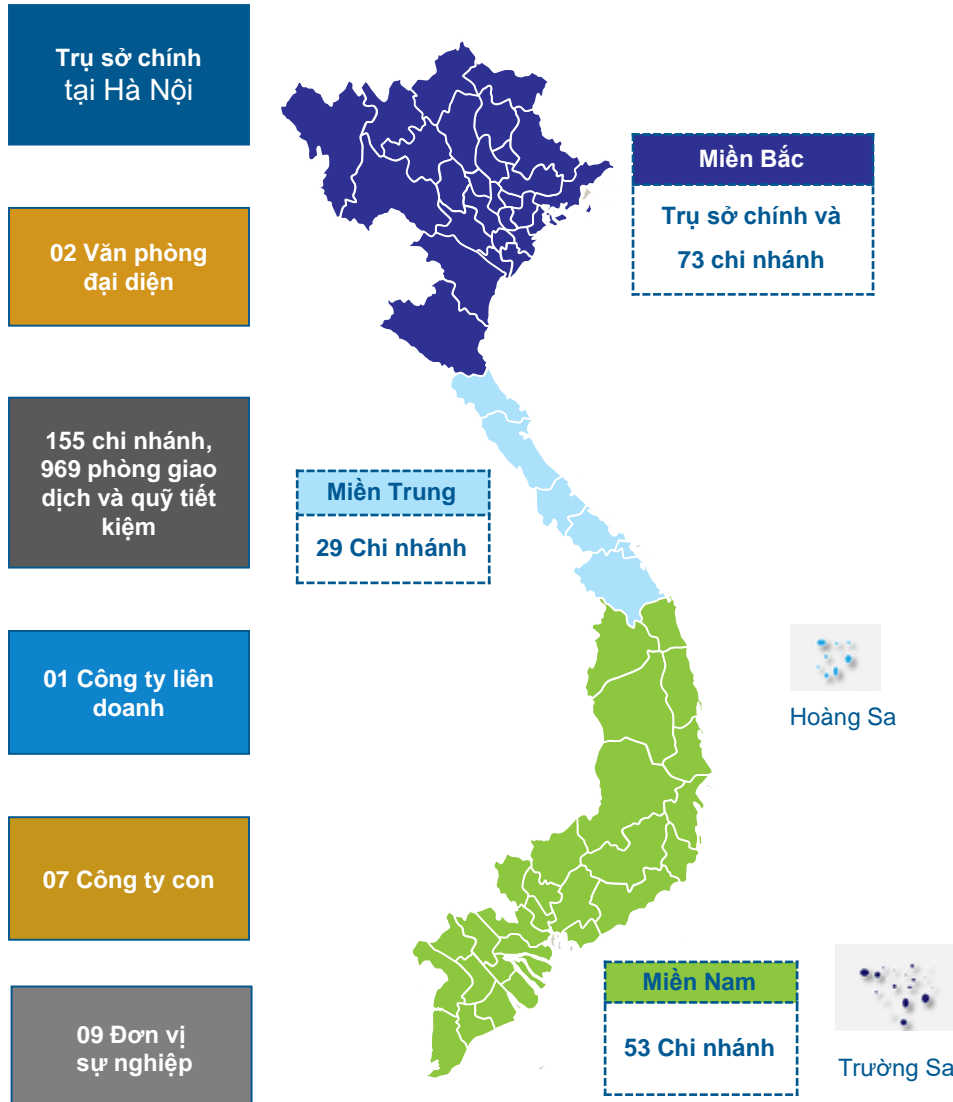
Mạng lưới



Khối NHTM cổ phần

Ghi chú: Số liệu đến 31/12/2017
Số liệu mạng lưới cập nhật chỉ có của VietinBank

Mạng lưới rộng khắp



Mạng lưới trong nước:

- Trụ sở chính tại Hà Nội
- 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- 155 Chi nhánh, 969 Phòng giao dịch và Quỹ tiết kiệm ở khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- 09 Đơn vị sự nghiệp
- 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- Gần 2.000 máy ATM

Mở rộng mạng lưới ra nước ngoài:

- 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- 01 Ngân hàng con tại Lào
- 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới

Kế hoạch vươn tầm quốc tế

Hiện tại

Trụ sở chính
tại Hà Nội

155 chi nhánh
969 phòng giao dịch &
quỹ tiết kiệm
02 chi nhánh nước ngoài

03 Văn phòng
đại diện

01 Công ty
liên doanh

07 Công ty con
01 Ngân hàng con

09 Đơn vị
sự nghiệp

Chúng tôi tự hào có quan
hệ ngân hàng đại lý với
trên 1.000 ngân hàng tại
hơn 90 quốc gia

Năm 2018:

- Mở mới PGD tại Champasak
- Nâng cấp PGD Vientiane thành CN
- Chuyển địa điểm TSC VietinBank Lào & thành lập PGD tại địa điểm TSC hiện tại

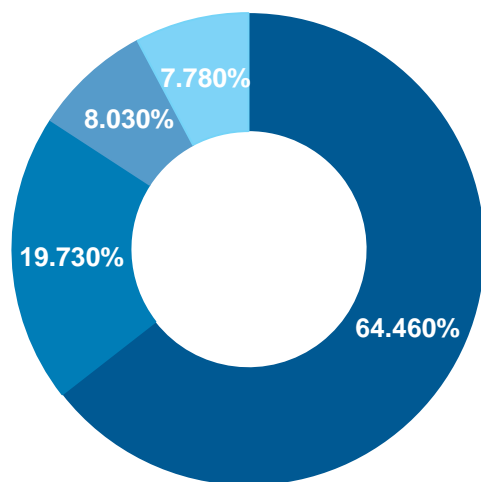
- Mở chi nhánh (CN) tại Frankfurt: tháng 9/2011
- Mở CN tại Lào: tháng 2/2012
- Mở CN tại Berlin: tháng 5/2012
- Mở VPĐD tại Myanmar: năm 2013.
- Nâng cấp CN Lào thành Ngân hàng con: tháng 8/2015
- Nâng cấp PGD Champasak của VietinBank Lào thành CN: tháng 9/2016
- Mở mới PGD Vientiane của VietinBank Lào: tháng 4/2017

Nền tảng khách hàng lớn và vững chắc

VietinBank đã thiết lập mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, lâu dài với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và ngày càng mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



Cổ đông lớn



- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- BTMU
- IFC
- Cổ đông khác

Hỗ trợ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn



Cổ đông Nhà nước



BTMU



IFC

Hỗ trợ

- Nắm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank, cổ phần nắm giữ của Chính phủ sẽ không dưới 51% vào bất cứ thời điểm nào.
- Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ.

- BTMU ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
 - Quản lý rủi ro, áp dụng BASEL II
 - Công nghệ thông tin
 - Ngân hàng đầu tư
 - Dịch vụ cho Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Dịch vụ thu tiền mặt và các hoạt động liên quan.

- IFC ký hợp đồng hợp tác với VietinBank trong năm 2011. Theo cam kết, IFC sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho VietinBank trong các lĩnh vực sau:
 - Quản trị rủi ro
 - Dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - Tiết kiệm hiệu quả năng lượng
 - Công nghệ thông tin

Ban Lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Văn Thắng
Chủ tịch HĐQT



Ông Lê Đức Thọ
Ủy viên HĐQT



Ông Cát Quang Dương
Ủy viên HĐQT



Ông Phùng Khắc Kế
Ủy viên HĐQT



Bà Nguyễn Hồng Vân
Ủy viên HĐQT



Bà Trần Thu Huyền
Ủy viên HĐQT



Ông Yotaro Agari
Ủy viên HĐQT



Ông Hiroshi Yamaguchi
Ủy viên HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Lê Đức Thọ
Tổng Giám đốc



Ông Hiroshi Yamaguchi
Phó TGD



Bà Lê Như Hoa
Phó TGD



Ông Trần Minh Bình
Phó TGD



Ông Nguyễn Hoàng Dũng
Phó TGD



Ông Nguyễn Đức Thành
Phó TGD



Ông Trần Công Quỳnh Lân
Phó TGD



Ông Nguyễn Đình Vinh
Phó TGD



Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Thế Huân
Trưởng BKS



Bà Phạm Thị Thơm
Thành viên BKS



Ông Trần Minh Đức
Thành viên BKS



Bà Phạm Thị Hồng Phương
Thành viên BKS

4. Chiến lược kinh doanh

❖ Tâm nhìn và mục tiêu chiến lược

Tầm nhìn

Trở thành một Tập đoàn tài chính dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế

Mục tiêu

Trở thành Tập đoàn tài chính có quy mô lớn với hiệu quả hoạt động tốt nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam vào năm 2020

Chủ điểm chiến lược

- 1 Tăng trưởng quy mô bền vững
- 2 Chuyển dịch cơ cấu thu nhập
- 3 Phát triển hoạt động ngân hàng thanh toán
- 4 Nâng cao năng lực tài chính
- 5 Nâng cao năng suất lao động toàn hàng và quản trị chi phí hiệu quả

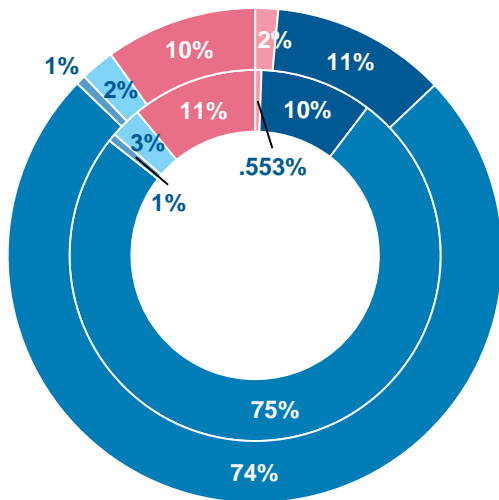
5. Kết quả hoạt động

- ❖ Huy động vốn tăng trưởng ổn định, có tính thanh khoản cao với tỷ trọng lớn từ TT1
- ❖ Tăng trưởng tín dụng cao, nợ xấu được kiểm soát tốt
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Kết quả kinh doanh hiệu quả
- ❖ Kết quả hoạt động so với kế hoạch ĐHĐCĐ
- ❖ Kết quả hoạt động so với các ngân hàng khác

Huy động vốn tăng trưởng ổn định

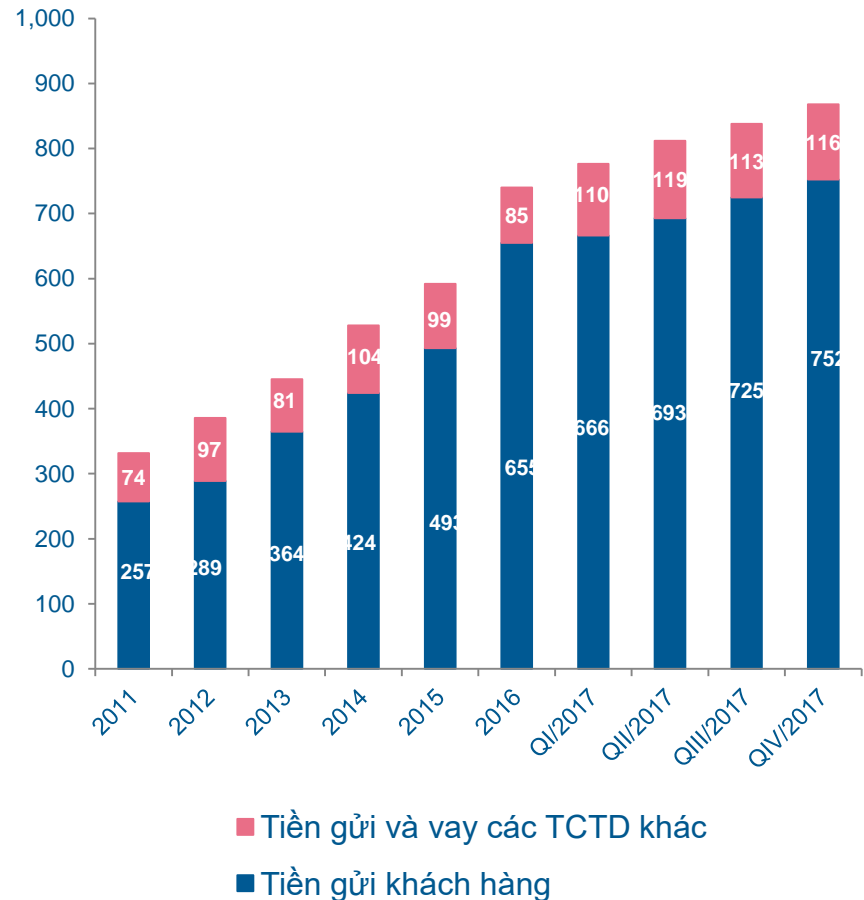
Cơ cấu huy động

Vòng trong: Tại 31/12/2016: 870 nghìn tỷ đồng
 Vòng ngoài: Tại 31/12/2017: 1.012 nghìn tỷ đồng



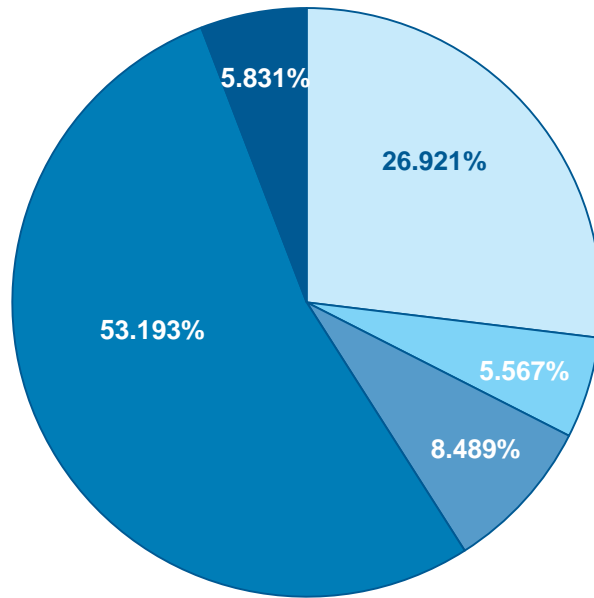
- Vay Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTC khác
- Tiền gửi khách hàng
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Phát hành giấy tờ có giá
- Nguồn huy động khác

Tiền gửi khách hàng và TCTD (nghìn tỷ đồng)



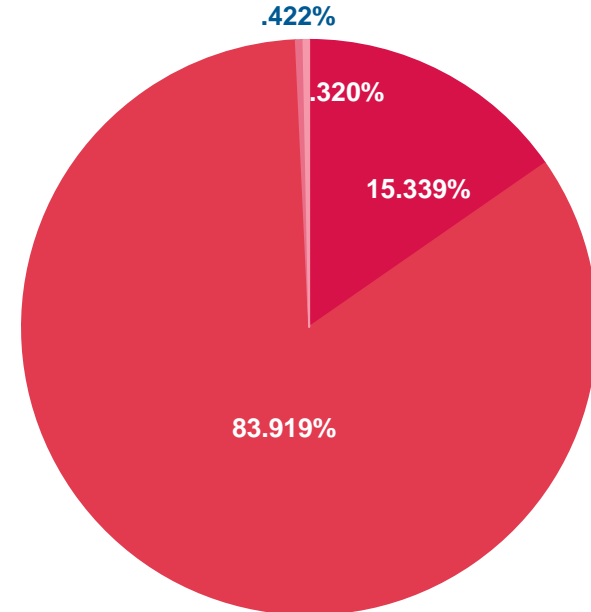
Khả năng thanh khoản cao

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình doanh nghiệp
(31/12/2016)



- DNNN (26,92%)
- DN FDI (5,57%)
- Doanh nghiệp khác (8,49%)
- Cá nhân (53,19%)
- Thành phần khác (5,83%)

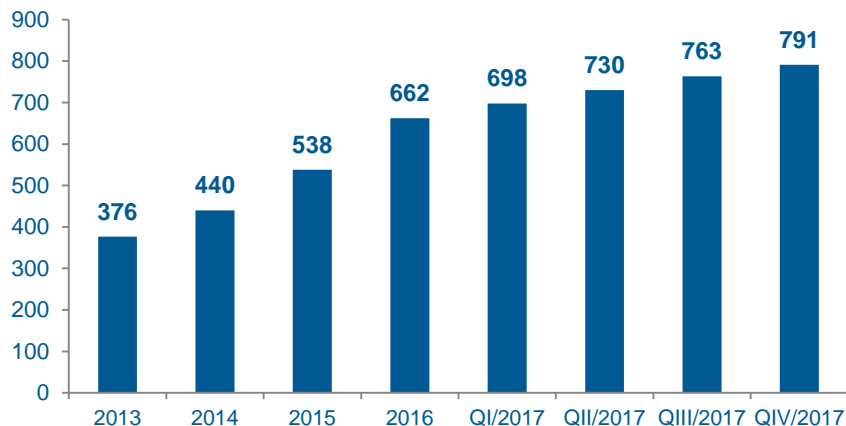
Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn
(31/12/2017)



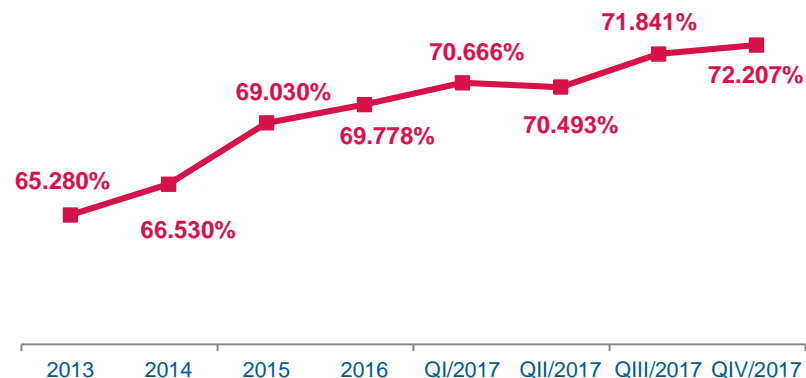
- Tiền gửi không kỳ hạn (15,34%)
- Tiền gửi có kỳ hạn (83,92%)
- Tiền gửi vốn chuyên dụng (0,42%)
- Tiền gửi ký quỹ (0,32%)

Tăng trưởng tín dụng tốt, tỷ lệ LAR ổn định

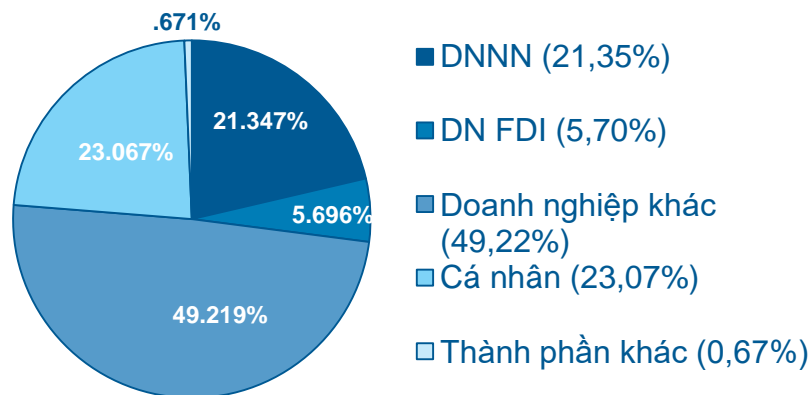
Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)



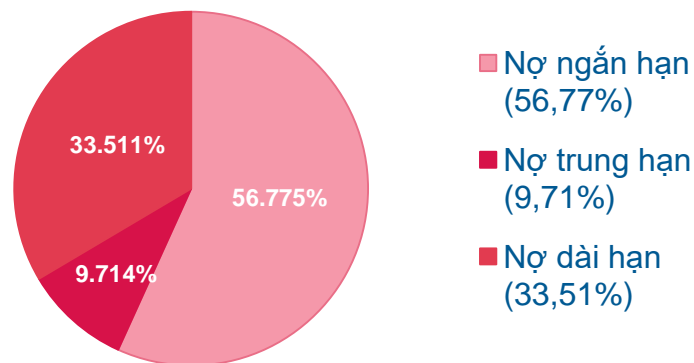
Cho vay/Tổng tài sản (LAR)



Cơ cấu cho vay theo loại hình doanh nghiệp (31/12/2016)

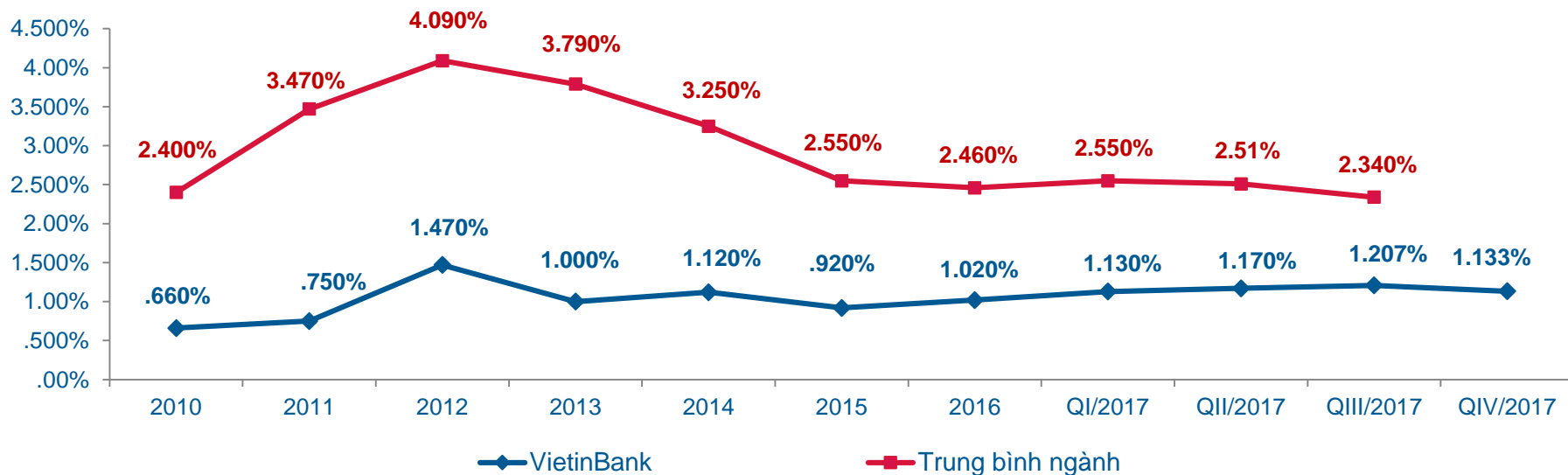


Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn (31/12/2017)



Nợ xấu được kiểm soát tốt nhất ngành ngân hàng

Nhóm	QIV/2017		QIII/2017		QII/2017		QI/2017		2016	
	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
Nhóm 1 <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	778.118	98,41	749.271	98,18	717.960	98,34	680.669	97,55	649.686	98,14
Nhóm 2 <i>Nợ cần chú ý</i>	3.611	0,46	4.678	0,61	3.570	0,49	9.157	1,31	5.559	0,84
Nợ xấu	8.959	1,13	9.214	1,21	8.520	1,17	7.917	1,13	6.743	1,02
Tổng	790.688	100	763.163	100	730.050	100	697.742	100	661.988	100



Quản lý tốt chất lượng tài sản

Hệ thống tín dụng phù hợp

- VietinBank có hệ thống tín dụng phù hợp, cho phép theo dõi các giới hạn cho vay và khẩu vị rủi ro tín dụng.
- Hệ thống tín dụng này của ngân hàng được truyền thông sâu rộng với phân cấp thẩm quyền và các kênh báo cáo rõ ràng.

Thiết lập hạn mức tín dụng cho khách hàng, nhóm khách hàng, lĩnh vực

- Các khoản tín dụng được phân bổ phù hợp theo chủ thể kinh tế và ngành nghề kinh tế, đảm bảo đa dạng hóa danh mục tín dụng, giảm thiểu rủi ro tập trung.
- Chính sách tín dụng thiết lập hạn mức chặt chẽ đối với từng đối tượng.

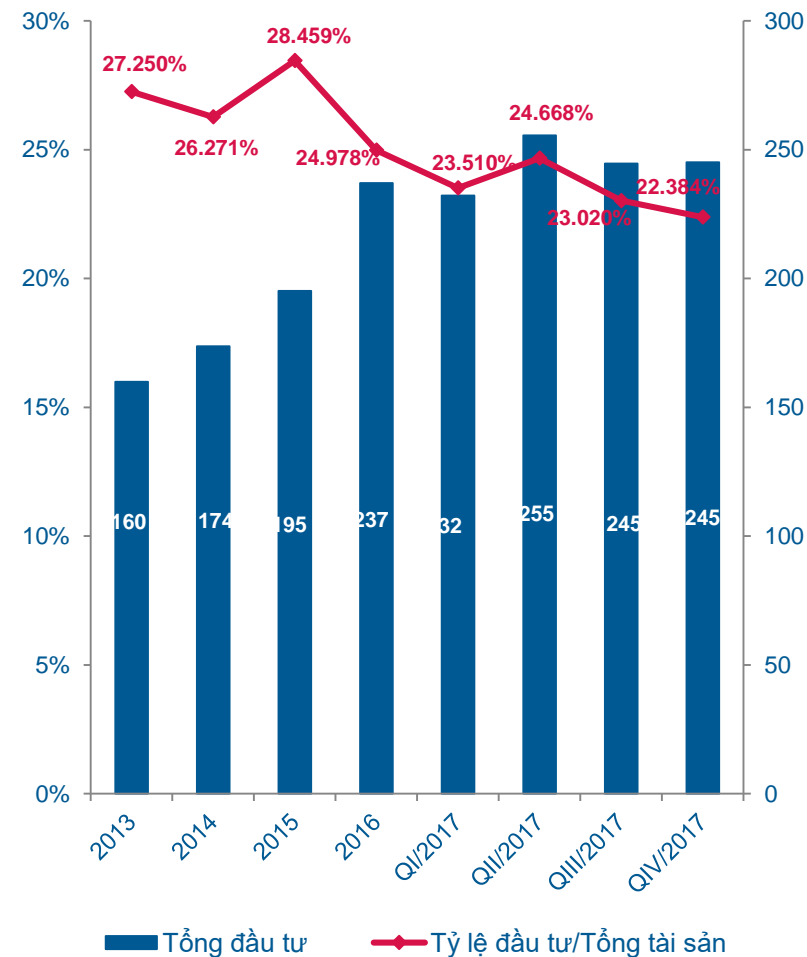
Phân loại tài sản có và đáp ứng các yêu cầu trích lập dự phòng một cách toàn diện

- Phân loại tài sản có toàn diện và chi tiết, xây dựng chính sách và yêu cầu trích lập dự phòng phù hợp với quy định và tiêu chuẩn quốc tế.
- Các quy tắc phân loại nói trên đã mang lại những kết quả tích cực trong việc đo lường các khoản nợ xấu.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ

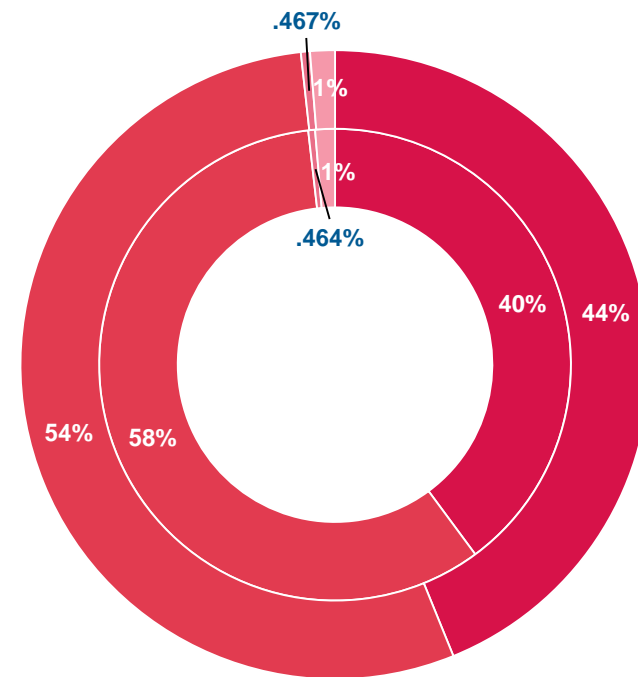
- Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ được áp dụng để tăng cường chất lượng quản lý tài sản trong bối cảnh nền kinh tế đang tăng trưởng.

Danh mục đầu tư (VND, nghìn tỷ đồng)



Danh mục đầu tư

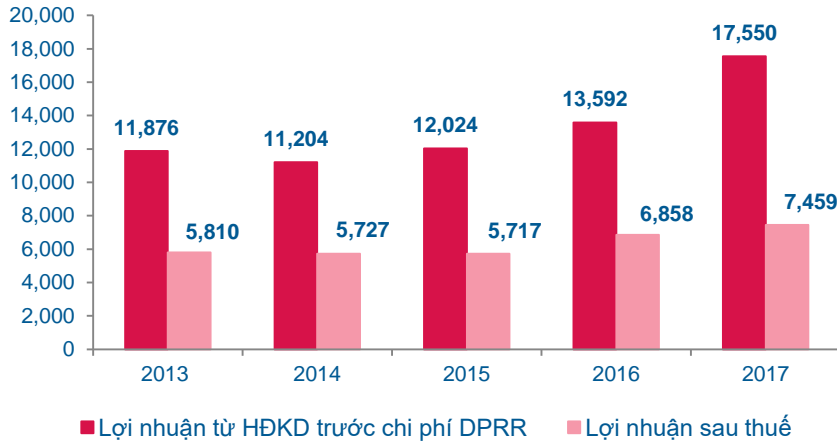
Vòng trong: Tại 31/12/2016
 Vòng ngoài: Tại 31/12/2017



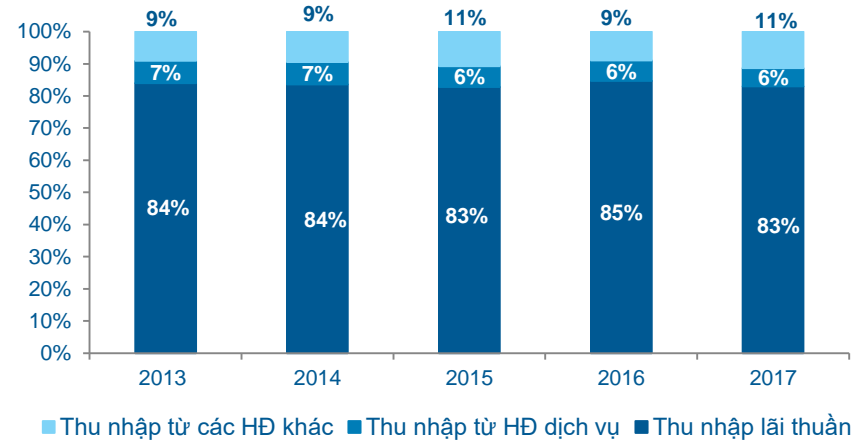
- Liên ngân hàng
- Chứng khoán nợ
- Chứng khoán vốn
- Đầu tư dài hạn

Kết quả kinh doanh hiệu quả

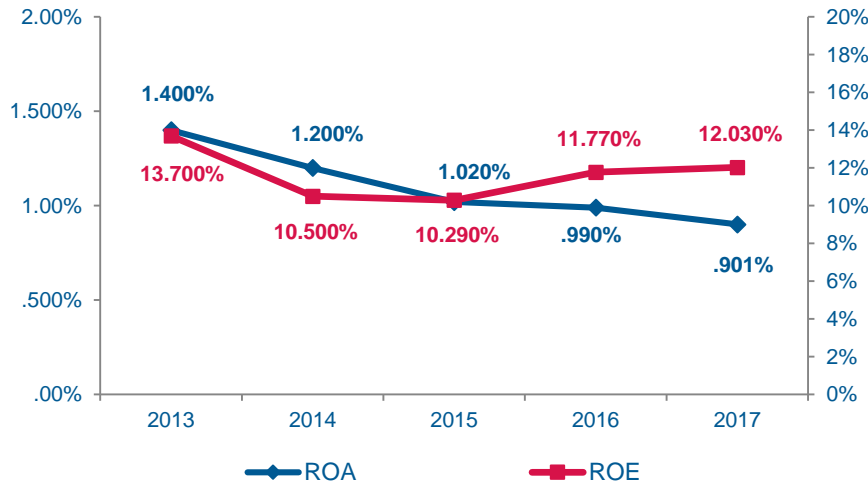
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)



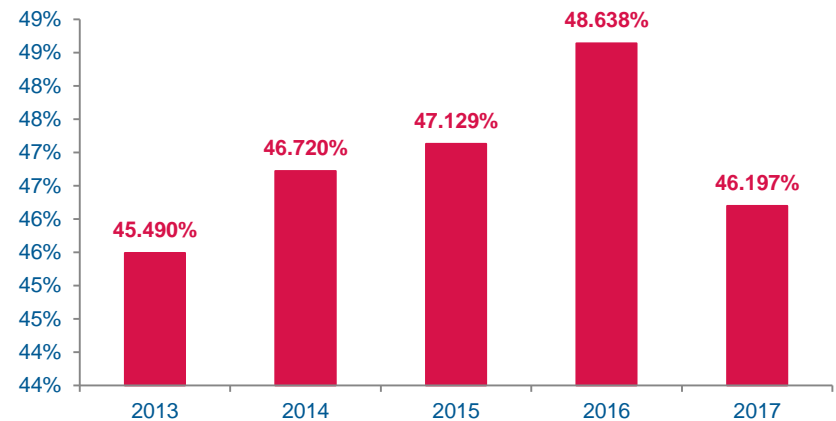
Các khoản thu nhập hoạt động



Các chỉ số tài chính



Tỷ lệ Chi phí/Thu nhập

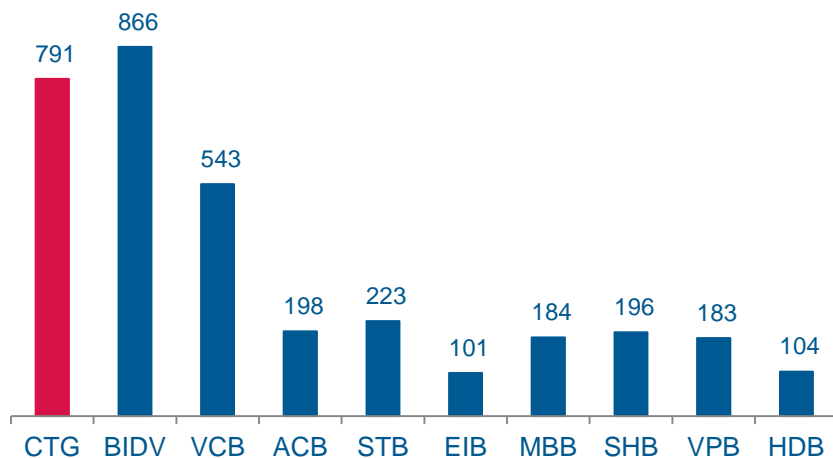


Kế hoạch ĐHĐCĐ và kết quả năm 2017

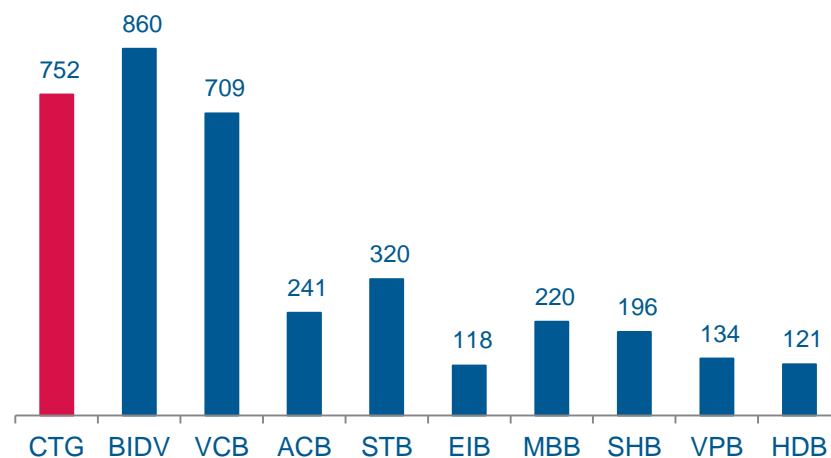
Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2016	2017	Kế hoạch ĐHĐCĐ 2017	% thực hiện so với KH 2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	948.699	1.095.022	1.081.634	101,24%
Dư nợ tín dụng	Tỷ đồng	712.642	840.156	826.865	101,60%
Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	870.163	1.012.470	996.482	101,60%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.569	9.206	8.800	104,61%
Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng	%	0,9%	1,07%	<3%	Đạt
ROAA	%	1,0%	0,9%	0,8%-1%	Đạt
ROAE	%	11,8%	12,03%	10%-11%	Đạt

So sánh VietinBank và các ngân hàng - 2017

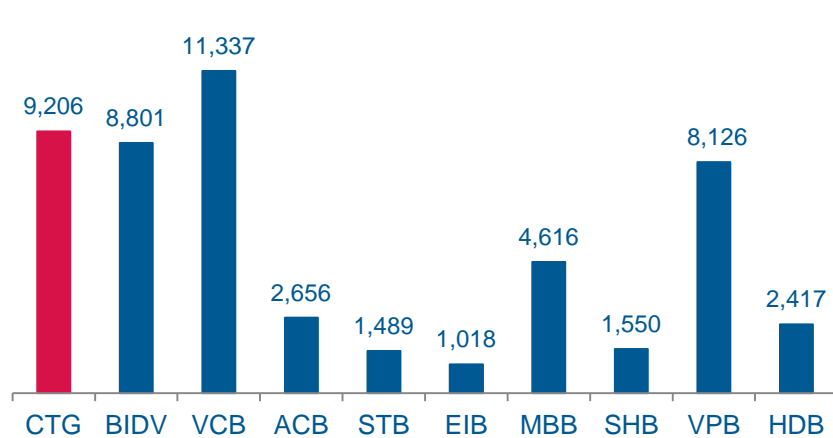
Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)



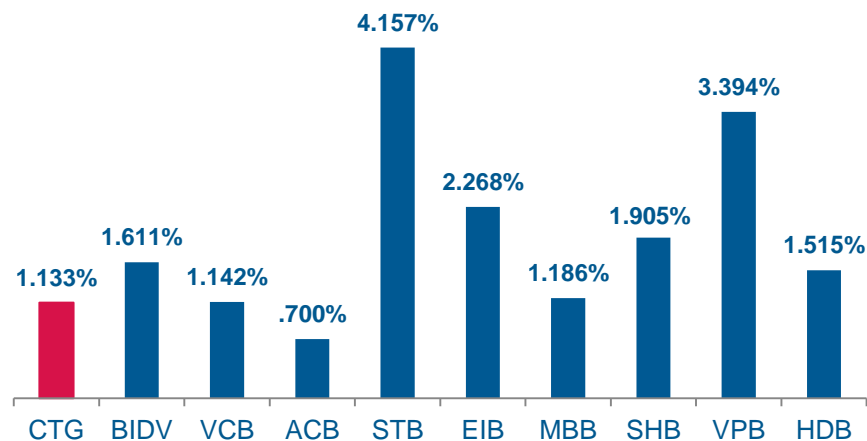
Tiền gửi khách hàng (nghìn tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay KH











6. Phụ lục

- ❖ **Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu**
- ❖ **Hoạt động hiệu quả của các công ty con**
- ❖ **Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG**
- ❖ **Bảng cân đối kế toán**
- ❖ **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Website Quan hệ Nhà đầu tư**

Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu

	<p>Lần thứ 6 liên tiếp, VietinBank lọt vào danh sách Forbes Global 2000 (Top 2000 DN lớn nhất thế giới) do tạp chí uy tín của Mỹ Forbes công bố và giữ vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam.</p>		<p>Lần thứ 5 lọt vào Top 500 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới với giá trị thương hiệu đạt 252 triệu USD, sức mạnh thương hiệu hạng A+; và vào Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo công bố toàn cầu của Brand Finance.</p>
	<p>VietinBank được Tạp chí Global Banking & Finance Review trao giải thưởng “Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2017” và “Ngân hàng SME phát triển nhanh nhất Việt Nam 2017”.</p>		<p>Đây là lần thứ 13 liên tiếp VietinBank được trao danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam và cũng là lần thứ 13 liên tiếp giữ vững vị trí Top dẫn đầu.</p>
	<p>VietinBank được The Banker xếp hạng 376 trong Bảng xếp hạng Top 1000 ngân hàng toàn cầu (Top 1000 World Banks 2017), tăng 6 bậc so với năm 2016 và là ngân hàng giữ thứ hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam được xếp hạng.</p>		<p>VietinBank cùng lúc nhận 4 giải thưởng của JCB: Ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán thẻ; doanh số sử dụng thẻ; số lượng thẻ phát hành; và số lượng sản phẩm mới. Đồng thời, VietinBank cũng được Visa trao 4 giải thưởng.</p>
	<p>VietinBank được The Asian Banker bình chọn và trao 4 giải thưởng lớn gồm: Dự án Phân tích dữ liệu tốt nhất; Dự án Ngân hàng lõi tốt nhất; Ngân hàng SME của năm; Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam.</p>		<p>VietinBank tiếp tục lọt vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500. Đồng thời cũng là ngân hàng giữ vị trí cao nhất trong Top 10 trong Bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017; Top 10 Doanh nghiệp niềm yết uy tín năm 2017.</p>
	<p>Tại giải Sao Khuê 2017, 2 sản phẩm VietinBank được vinh danh là Hệ thống kết nối thanh toán với các trung gian tài chính (BankPay) và Giải pháp thanh toán dịch vụ công trực tuyến (eGPS).</p>		<p>VietinBank đã được Global Finance vinh danh giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2018” và “Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất thế giới”.</p>

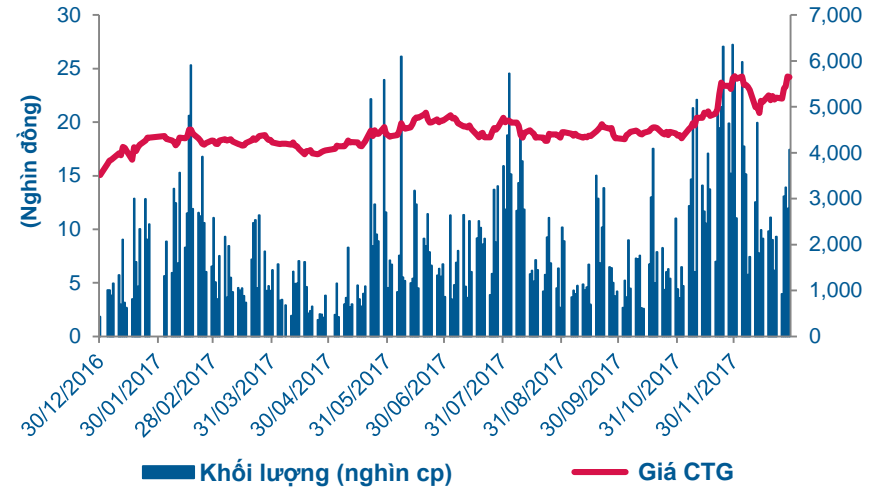
Hoạt động hiệu quả của các công ty con

Tên công ty		Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2017 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank (%)	Lợi nhuận trước thuế tại ngày 31/12/2017 (Tỷ đồng)
<i>Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào</i>		1.121,3	100%	97,10
<i>Công ty Cho thuê tài chính VietinBank</i>		1.000	100%	117,19
<i>Công ty Quản lý quỹ VietinBank</i>		950	100%	75,03
<i>Công ty Chứng khoán VietinBank</i>		904,2	75,61%	133,62
<i>Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank</i>		500	97,83%	84,53
<i>Công ty Kinh doanh vàng bạc đá quý VietinBank</i>		300	100%	7,45
<i>Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản VietinBank</i>		120	100%	7,21
<i>Công ty Chuyển tiền toàn cầu VietinBank</i>		50	100%	33,92

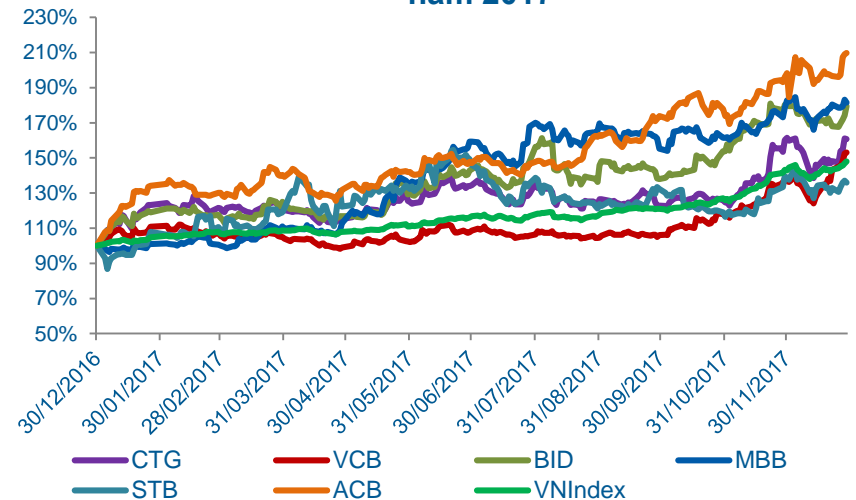
Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG năm 2017

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu năm 2017 (03/01/2017)	16.100 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối năm 2017 (29/12/2017)	24.200 đồng/cp
Biến động giá trong năm 2017	16.100 - 24.300 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	502.454.430 cp
Giá trị giao dịch	9.960 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Mua ròng 6.434.070 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	30%
EPS	1.996 đồng/cp
P/E (29/12/2017)	12,12x
BVPS	17.104 đồng/cp
P/B (29/12/2017)	1,41x

Diễn biến giao dịch cp CTG năm 2017



Tăng trưởng của VN-Index và CP ngân hàng năm 2017



Bảng cân đối kế toán

ĐVT: Tỷ đồng	2012	2013	2014	2015	2016	2017 (*)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.511	2.833	4.631	5.091	5.187	5.980
Tiền gửi tại NHNN	12.234	10.160	9.876	11.893	13.503	20.757
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	57.708	73.079	75.434	66.019	94.469	107.505
Chứng khoán kinh doanh	275	655	3.648	3.346	1.895	3.529
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	74	164	0	0	683	529
Cho vay khách hàng	333.356	376.289	439.869	538.080	661.988	790.688
DPRR cho vay khách hàng	(3.673)	(3.300)	(4.367)	(4.550)	(6.862)	(8.303)
Chứng khoán đầu tư	73.417	83.002	93.404	120.024	134.227	128.390
Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.816	3.113	3.787	3.892	3.203	3.114
Tài sản cố định	5.277	7.080	8.895	8.666	10.615	11.437
Tài sản có khác	19.535	23.292	26.064	27.022	29.792	31.398
Tổng tài sản có	503.530	576.368	661.242	779.483	948.699	1.095.022
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.785	147	4.731	13.227	4.808	15.207
Tiền gửi và vay các TCTD khác	96.815	80.465	103.770	99.169	85.152	115.656
Tiền gửi của khách hàng	289.105	364.497	424.181	492.960	655.060	752.370
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	0	0	416	118	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	33.227	32.425	32.022	54.237	6.075	6.427
Phát hành giấy tờ có giá	28.669	16.565	5.294	20.860	23.849	22.502
Các khoản nợ khác	19.088	27.982	35.569	42.802	113.354	119.175
Tổng nợ phải trả	469.690	522.081	605.983	723.373	885.727	1.031.337
Vốn của TCTD	26.220	46.206	46.209	46.209	46.208	46.209
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>26.218</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	2.434	3.374	4.346	5.275	6.367	7.465
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	302	318	338	442	480	551
Lợi nhuận chưa phân phối	4.669	4.177	4.141	3.942	7.083	9.165
Vốn chủ sở hữu	33.625	54.075	55.259	56.110	60.399	63.685
Lợi ích của cổ đông thiểu số	216	213	225	242	260	296
Tổng nguồn vốn	503.530	576.368	661.242	779.483	948.699	1.095.022

(*): Số liệu chưa kiểm toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng	2012	2013	2014	2015	2016	2017 (*)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	50.661	44.281	41.357	42.472	52.991	65.277
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(32.241)	(26.004)	(23.495)	(23.633)	(30.586)	(38.204)
Thu nhập lãi thuần	18.420	18.277	17.862	18.839	22.405	27.073
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.855	2.097	2.117	2.651	3.334	4.302
Chi phí hoạt động dịch vụ	(577)	(577)	(939)	(1.191)	(1.636)	(2.447)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.278	1.520	1.179	1.460	1.698	1.855
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	362	291	387	20	685	710
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	34	20	192	129	184	370
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	516	8	(154)	53	41	(126)
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	1.186	1.495	1.398	2.202	1.299	1.994
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	166	173	166	41	150	743
Thu nhập ngoài lãi	3.542	3.507	3.169	3.905	4.057	5.546
Tổng thu nhập	21.962	21.784	21.031	22.744	26.462	32.619
Chi phí hoạt động	(9.436)	(9.910)	(9.804)	(10.719)	(12.871)	(15.069)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	12.526	11.874	11.226	12.024	13.592	17.550
Chi phí DPRR tín dụng	(4.358)	(4.123)	(3.923)	(4.679)	(5.022)	(8.344)
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.168	7.751	7.303	7.345	8.569	9.206
Chi phí thuế TNDN	(1.998)	(1.943)	(1.576)	(1.629)	(1.712)	(1.747)
Lợi nhuận sau thuế	6.170	5.808	5.728	5.717	6.858	7.459
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(18)	(16)	(15)	(19)	(20)	(27)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	6.152	5.792	5.713	5.698	6.838	7.432

(*): Số liệu chưa kiểm toán

Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>

The screenshot displays the website investor.vietinbank.vn/missionandvalues.aspx#. The page features a blue header with the VietinBank logo and the slogan "Nâng giá trị cuộc sống". A navigation menu includes links for "TRANG CHỦ", "CÁ NHÂN", "DOANH NGHIỆP", "NHÀ ĐẦU TƯ", "KẾT NỐI THƯƠNG MẠI", "GIỚI THIỆU", "TUYỂN DỤNG", and "LIÊN HỆ".

The main content area is titled "Nhà đầu tư & VietinBank" and includes a introductory text: "Qua website này, chúng tôi muốn cung cấp cho Quý vị những thông tin đa chiều và thiết lập một kênh giao tiếp thường xuyên giữa". Below this, three blue circles highlight key values:

- SỨ MỆNH**: Là ngân hàng số 1 của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiên ích, tiêu chuẩn quốc tế.
- TÂM NHÌN**: Trở thành tập đoàn tài chính - ngân hàng hiện đại, đa năng, có tầm cỡ trong khu vực Đông Nam Á.
- GIÁ TRỊ CỐT LÕI**: Mọi hoạt động đều hướng tới khách hàng: Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tận tâm, minh bạch, hiện đại; Người lao động được quyền phân đấu, cống hiến làm việc hết mình – được quyền hưởng thu đúng với chất lượng, kết quả, hiệu quả của cá nhân đóng góp – được quyền tôn vinh cá nhân xuất sắc, lao động giỏi.

On the right side, there is a "CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ" section with a table of contents:

Tổng quan
• Sứ mệnh, Tâm nhìn, Giá trị cốt lõi
• Thông điệp từ Chủ tịch
• Giới thiệu VietinBank
• Xếp hạng tín nhiệm
• Giải thưởng
Tin tức
Thông tin dành cho cổ đông
Cổ phiếu CTG
Thông tin tài chính
Thông tin trái phiếu quốc tế
Quản trị doanh nghiệp
Tham khảo và liên hệ

At the bottom right, a "CTG" (Share Price) widget shows a price of 20.800, an increase of +0.10 (0.48%), and a volume of 840.410 (-48.85%) as of 20/06/2017.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký HĐQT

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Email: investor@vietinbank.vn

Tel: 84-24-3 941 3622

Trân trọng cảm ơn!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.